

Bản án số 01/2018/HS-ST
Ngày 05-01-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thiệm

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Biên
2. Ông Đỗ Xuân Quyết.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Mai Phương – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 174/2017/TLST-HS ngày 21 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 991/2017/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 12 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Đào Anh Đ, sinh năm 1993 tại Hải Phòng;

Nơi cư trú: Số 12/56 LC1A, phường LC1, quận LC, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Số 26 HB1A, phường HB1, quận HB, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Thanh M, sinh năm 1961 và con bà Lê Thị Hồng V2, sinh năm 1962; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 13/7/2017 đến ngày 22/7/2017 chuyển tạm giam; có mặt.

2. Nguyễn Thị O, sinh năm 1996 tại Nghệ An;

Nơi cư trú: Thôn 1, xã TM, huyện TC, tỉnh Nghệ An; chỗ ở: Số 10/19/267 LC2A, phường LC2, quận LC, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H2, đã chết và bà Phan Thị H3, sinh năm 1966; chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 15/7/2017 đến ngày 22/7/2017 chuyển tạm giam; có mặt.

Người có nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Trần Nguyễn Thảo V, sinh năm 1995; trú tại: Số 6/6/229 LC2A, quận LC, thành phố Hải Phòng.
 2. Chị Trương Thị T, sinh năm 1990; trú tại: Số 17/440 đường LC3A, LC3, quận LC, thành phố Hải Phòng.
 3. Chị Huỳnh Thị Bé N, sinh năm 1994; trú tại: Số 20/92 đường LC4A, quận LC, thành phố Hải Phòng.
 4. Chị Mai Thị T1 (tức V1), sinh năm 1990; trú tại: Ngõ 567 LC3A mới, phường LC3, quận LC, thành phố Hải Phòng.
 5. Chị Nguyễn Thị Hồng L (Lan A), sinh năm 1988; trú tại: Thôn AL1A, xã AL1, huyện AL, thành phố Hải Phòng.
 6. Anh Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1985; trú tại: Số 4/82/179 NQ1A, phường NQ1, quận NQ, thành phố Hải Phòng.
 7. Anh Phạm Như P, sinh năm 1991; trú tại: Số 112 NQ2A, phường NQ2, quận NQ, thành phố Hải Phòng.
 8. Anh Vũ Ngọc H1, sinh năm 1987; trú tại: Tổ 1, phường DK1, quận DK, thành phố Hải Phòng.
 9. Anh Vũ Tô T2 (tức Tô), sinh năm 1996; trú tại: Tổ 2, phường DK1, quận DK, thành phố Hải Phòng.
 10. Anh Đoàn Văn H, sinh năm 1980; trú tại: Xã KT1, huyện KT, thành phố Hải Phòng.
- Tất cả đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đào Anh Đ là nhân viên lễ tân của quán karaoke MJM, địa chỉ ở số 24 NQ3A, phường NQ3, quận NQ, thành phố Hải Phòng. Đ được giao nhiệm vụ đón và xếp phòng hát cho khách đến hát. Tối ngày 12/7/2017, Nguyễn Mạnh C cùng với các bạn là Vũ Tô T2, Vũ Ngọc H1, Phạm Như P và Đoàn Văn H đến quán MJM hát karaoke tại phòng số 5, đến khoảng 22h cùng ngày Nguyễn Mạnh C nhờ Đ tìm cho nhóm của C 05 gái bán dâm, Đ đồng ý và thỏa thuận với C giá một người, một lần mua bán dâm là 2.000.000đ, tiền phòng khách mua dâm trả. C đồng ý và đưa cho Đ 10.000.000đ để Đ gọi cho 05 gái bán dâm và cho thêm Đ 1.000.000đ. Sau khi nhận tiền, Đ đưa nhóm của C đến khách sạn Tường Vi ở Số 301 Văn Cao, phường Đằng Lâm, quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Trên đường đi, Đ sử dụng điện thoại có số thuê bao 0936178949 gọi cho Mai Thị V1 (tức T1), sinh năm 1990 và Nguyễn Thị Hồng L (tức Lan A), sinh năm 1988, bảo T1, L đến khách sạn Tường Vi bán dâm cho khách đồng thời Đ gọi điện thoại cho Nguyễn Thị O (qua số thuê bao của O là 01222056825) bảo O gọi bạn nữ đến khách sạn Tường Vi bán dâm cho khách của Đ với giá là 2.000.000đ/người. O liên lạc bằng điện thoại bảo Trần Nguyễn Thảo V, sinh năm 1995 và Trương Thị T, sinh năm

1990 bảo đến khách sạn Tường Vi bán dâm cho khách của Đ và cho V số điện thoại của Đ để liên lạc với Đ. Lúc đó O đang ở cùng nhà trọ của Huỳnh Thị Bé N, sinh năm 1994, ở Số 20/92 Đại học LC4A, phường LC3, quận LC, thành phố Hải Phòng, O bảo N đi bán dâm cho khách của Đ, N đồng ý, O nhắn tin bảo Đ không thu tiền phần trăm của N, Đ đồng ý.

Khi Đ đưa nhóm của C đến khách sạn Tường Vi chỉ còn 01 phòng 105 nên Đoàn Văn H vào nghỉ trước, Đ cùng nhóm của C ngồi ở sân đợi, khoảng 23h cùng ngày thì Trương Thị T, Trần Nguyễn Thảo V, Mai Thị V1, Huỳnh Thị Bé N và Nguyễn Thị Hồng L đến. Tại khách sạn Tường Vi, Đoàn Văn H muốn mua dâm qua đêm nên bảo C thanh toán tiền mua dâm theo giá qua đêm cho H. C thỏa thuận giá mua dâm qua đêm là 3.500.000đ, L đồng ý vào phòng 105 khách sạn Tường Vi bán dâm qua đêm với Đoàn Văn H. Sau đó, Đ bảo tất cả mọi người sang khách sạn Holiday tại số 50/333 Văn Cao, phường Đằng Lâm, quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Tại khách sạn Holiday, nhóm C thuê 04 phòng nghỉ số: 203, 205, 206 và 301, sau đó P, T2, Ngọc H1, C thực hiện việc mua, bán dâm với N, V, V1 và T. Trước đó Đ đã thanh toán tiền bán dâm cho N là 2.000.000đ, gửi N cầm giúp V 1.800.000đ và thanh toán cho V1 1.800.000đ. Sau đó, Đ quay lại khách sạn Tường Vi, gọi L ra ngoài đưa tiền bán dâm cho L là 3.000.000đ. Sau khi nhận tiền bán dâm từ Đ, N đi về nhà trọ gặp O và gửi O cầm hộ 2.000.000đ là tiền bán dâm của N và quay lại khách sạn Holiday bán dâm cho khách. Đến 0h30' ngày 13/7/2017, Đ đang ở cửa phòng 301 khách sạn Holiday chờ thanh toán tiền mua, bán dâm còn lại với C và T thì bị phát hiện, bắt quả tang, thu giữ vật chứng và tài sản có liên quan gồm: 05 bao cao su; 02 điện thoại di động của Đào Anh Đ, số tiền 6.000.000đ, tạm giữ 04 điện thoại di động của N, V1, V và T cùng 01 chứng minh nhân dân mang tên Vũ Ngọc H1

Tiến hành kiểm tra khách sạn Tường Vi phát hiện Đoàn Văn H và L đang có hành vi mua, bán dâm tại phòng 105, thu giữ vật chứng và tài sản liên quan gồm: 03 bao cao su, số tiền 4.290.000đ (là tiền mua dâm và tiền thuê phòng 105), 03 điện thoại di động của Đoàn Văn H, Nguyễn Thị Hồng L và 01 chứng minh nhân dân mang tên Phạm Như P.

Ngày 15/7/2017, Nguyễn Thị O bị bắt theo Lệnh bắt khẩn cấp của Cơ quan Cảnh sát điều tra về hành vi Môi giới mại dâm, khi bị bắt O tự nguyện giao nộp: 2.000.000đ là tiền N gửi và 02 điện thoại di động của O. Quá trình điều tra Nguyễn Mạnh C tự giao nộp số tiền 1.500.000đ.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định đối với điện thoại di động, thu giữ của Đ, O và ra lệnh thu giữ List điện thoại đối với các thuê bao đi kèm điện thoại đã thu giữ của Đ, O và gái bán dâm là N, V, V1, T và L. Tại Kết luận giám định số 4208/C54-P6 ngày 24/10/2017, của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an (kèm theo 03 phụ lục), kết luận: “Không tìm thấy dữ liệu liên quan đến yêu cầu giám định lưu giữ trong điện thoại di động Nokia màu đen, Imei: 354311/04/900268/9, lắp sim có số thuê bao: 01202974436, tạm giữ của Nguyễn Thị O.

Phục hồi được dữ liệu về lịch sử cuộc gọi và các tin nhắn trong khoảng thời gian từ 10/7/2017 đến 13/7/2017 lưu trữ trong điện thoại di động Iphone 5 màu

trắng, Imei: 352086073864376, lắp sim có số thuê bao: 01222056825, tạm giữ của Nguyễn Thị O.

- Có dữ liệu về lịch sử cuộc gọi và các tin nhắn trong khoảng thời gian từ 10/7/2017 đến 13/7/2017 lưu trữ trong điện thoại di động nhãn hiệu Vega màu đen, Imei: 356172050489638, lắp sim có số thuê bao 0904474796, thu giữ của Đào Anh Đ.

Có dữ liệu về lịch sử cuộc gọi và các tin nhắn trong khoảng thời gian từ 10/7/2017 đến 13/7/2017 lưu trữ trong điện thoại di động Iphone 6 màu ghi, Imei: 355404073534112, lắp sim có số thuê bao: 0936178949, thu giữ của Đào Anh Đ” bút lục số 360 đến 396.

Cơ quan điều tra tiến hành cho các bị can Đ và O quan sát nội dung dữ liệu in sao tại các phụ lục kèm theo kết luận giám định, Đ và O đã công nhận các dữ liệu đó có nội dung đúng với nội dung Đ và O liên lạc với nhau và với gái bán dâm vào đêm ngày 12, rạng sáng ngày 13/7/2017.

Tại bản Cáo trạng số 173/CT-VKS-P2 ngày 20 tháng 11 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo Đào Anh Đ và Nguyễn Thị O về tội “Môi giới mại dâm” theo điểm d, e khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng: Áp dụng điểm d, e khoản 2, khoản 5 Điều 255; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53 Bộ luật Hình sự 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14; khoản 3 Điều 7; điểm d, đ khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015; xử phạt:

Đào Anh Đ: Từ 4 năm đến 5 năm tù.

Phạt tiền bị cáo 5.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Nguyễn Thị O: Từ 3 năm đến 4 năm tù.

Phạt tiền bị cáo 3.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Về thu lợi bất chính và xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo cùng các tài liệu tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát

viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Đào Anh Đ, Nguyễn Thị O đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu; phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, Biên bản bắt người phạm tội quả tang và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Tối ngày 12/7/2017, Đào Anh Đ là nhân viên lễ tân của quán Karaoke MJM đã có hành vi tìm gái bán dâm cho các đối tượng Nguyễn Mạnh C, Vũ Tô T2, Vũ Ngọc H1, Phạm Như P và Đoàn Văn H mua dâm để hưởng lợi. Đ đã gọi điện cho Mai Thị V1, Nguyễn Thị Hồng L, Nguyễn Thị O đến khách sạn Tường Vy để bán dâm cho khách. O tiếp tục gọi Trần Nguyễn Thảo V, Huỳnh Thị Bé N đi bán dâm cho khách của Đ. Ngoài ra, cách ngày 12/7/2017 khoảng 1 tháng, Đ cũng đã nhờ O tìm Lan A đi bán dâm cho khách của Đ tại khách sạn trên đường Lê Hồng P; đêm ngày 10/7/2017, Đ cũng tìm gái gọi bán dâm cho đối tượng C và P. Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Đào Anh Đ, Nguyễn Thị O đồng phạm tội “Môi giới mại dâm” theo Điều 255 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến an toàn công cộng, trật tự công cộng; gây ảnh hưởng xấu tới tình hình trật tự trị an, quản lý xã hội, làm phát sinh nhiều tội phạm và tệ nạn xã hội khác. Do đó, cần xử lý nghiêm khắc theo quy định của pháp luật.

[3] *Xét tình tiết định khung hình phạt:* Bị cáo Đào Anh Đ và Nguyễn Thị O đã nhiều lần môi giới mại dâm cho khách và mỗi lần đều đối với nhiều người nên bị xét xử theo điểm d, e khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

[4] *Xét vai trò và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự :*

Bị cáo Đ là người khởi xướng, trực tiếp giao dịch với các khách mua dâm và gọi các đối tượng khác đến bán dâm. Bị cáo O là người giúp sức, giúp Đ gọi thêm gái bán dâm khác đến. Do đó, bị cáo Đ có vai trò cao hơn bị cáo O nên phải chịu hình phạt cao hơn.

Các bị cáo đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; sau khi bị bắt đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đ khai có bố tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam nhưng bị mất giấy tờ, không còn tài liệu chứng minh; bị cáo O khai có bác là Liệt sỹ và cũng không có các tài liệu chứng minh nên Hội đồng xét xử không chấp nhận áp dụng tình tiết giảm nhẹ này cho các bị cáo Đ và O.

Theo khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự 2015 có khung hình phạt tù từ 3 năm đến 7 năm nhẹ hơn so với khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự 1999. Căn cứ theo Nghị quyết 41/2017/QH14, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự 2015 để quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Ngoài hình phạt chính, cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Đ để sung quỹ Nhà nước. Bị cáo O hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] *Về thu lợi bất chính:*

Bị cáo Đ môi giới mại dâm cho 3 lần, trong đó: Lần đầu bị cáo không được hưởng lợi; lần thứ 2 được hưởng lợi 500.000 đồng; lần thứ ba chưa kịp hưởng lợi số tiền 2.100.000 đồng thì bị bắt. Do đó, Hội đồng xét xử buộc bị cáo Đ phải nộp lại 500.000 đồng tiền thu lợi bất chính để sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo O chưa được hưởng lợi từ việc môi giới mại dâm.

[6] *Về xử lý vật chứng:*

- Đối với 08 bao cao su: Giá trị sử dụng không đáng kể nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động Iphone 6 màu ghi (có kèm sim) của Đào Anh Đ và 01 điện thoại di động Iphone 5 màu trắng (kèm sim) của Nguyễn Thị O: Các bị cáo có sử dụng vào việc liên lạc môi giới mại dâm, vẫn còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vega màu đen (kèm sim) của Đào Anh Đ và 01 điện thoại di động Nokia màu đen (kèm sim) của Nguyễn Thị O: Các bị cáo không sử dụng vào việc liên lạc môi giới mại dâm nên cần trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với số tiền 13.790.000 đồng; trong đó:

+ Số tiền 6.000.000 đồng là tiền mua bán dâm của các đối tượng tại khách sạn Holiday (gồm Vũ Tô T2, Vũ Ngọc H1, Phạm Như P, Nguyễn Mạnh C, Trần Nguyễn Thảo V, Trương Thị T, Huỳnh Thị Bé N, Mai Thị T1) và tiền Đ được C cho thêm khi môi giới mại dâm nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước

+ Số tiền 4.290.000 đồng là tiền mua bán dâm và tiền thuê phòng 105 khách sạn Tường Vy (gồm Nguyễn Thị Hồng L và Đoàn Văn H) nên cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

+ Số tiền 2.000.000 đồng là tiền bị cáo O giao nộp, số tiền này là của Huỳnh Thị Bé N bán dâm gửi O cầm hộ nên cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

+ Số tiền 1.500.000 đồng do Nguyễn Mạnh C giao nộp là tiền mua bán dâm C chưa kịp trả cho bị cáo Đ nên cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

[7] *Về án phí*: Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố các bị cáo **Đào Anh Đ, Nguyễn Thị O** đồng phạm tội "Môi giới mại dâm".

1. Về hình phạt:

Áp dụng điểm d, e khoản 2 Điều 255; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53 Bộ luật Hình sự 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14; khoản 3 Điều 7; điểm d, đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Đào Anh Đ, Nguyễn Thị O (áp dụng thêm khoản 5 Điều 255 Bộ luật Hình sự 1999 đối với bị cáo Đào Anh Đ)

Xử phạt:

- Đào Anh Đ: 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/7/2017.

Phạt tiền: 3.000.000 (Ba triệu) đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Nguyễn Thị O: 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/7/2017

2. Về thu lợi bất chính: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

- Buộc bị cáo Đào Anh Đ phải nộp lại số tiền 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng để sung quỹ Nhà nước.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền phạt và thu lợi bất chính thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

- Tịch thu, tiêu hủy: 08 (Tám) bao cao su.

- Tịch thu, sung quỹ Nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động Iphone 6 màu ghi (có kèm sim) và 01 (Một) điện thoại di động Iphone 5 màu trắng (kèm sim) và số tiền 13.790.000 (Mười ba triệu bảy trăm chín mươi nghìn) đồng.

- Tạm giữ 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Vega màu đen (kèm sim) để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Đào Anh Đ và tạm giữ 01 (Một) điện thoại di động Nokia màu đen (kèm sim) để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Nguyễn Thị O.

(Vật chứng có đặc điểm chi tiết theo Biên bản bàn giao tang vật ngày 16/11/2017 tại Cục Thi hành án thành phố Hải Phòng và Biên lai thu tiền số 0006056 ngày 16/11/2017 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự 1999 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV27 Công an TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Bị cáo; Trại tạm giam;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV và THA
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thiệm